

Số: **35** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
THUYẾT MINH KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2023

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Công văn số 9344/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024; xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 949/STNMT-VPĐKĐ ngày 27/02/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện:

- Đối với cấp tỉnh:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện công tác thống kê theo đúng quy định. Ngày 03/11/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 6080/STNMT-QLĐĐ về việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024 gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức các cuộc họp giao ban để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện ở các địa phương, đơn vị liên quan. Ngày 17/01/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 314/STNMT-VPĐKĐ gửi Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai về việc khởi tạo bộ số liệu trên hệ thống phần mềm TKOnline phục vụ công tác thống kê đất đai năm 2023. Đơn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương thực hiện và giao nộp sản phẩm thống kê đất đai năm 2023 tại Công văn số: 565/STNMT-VPĐKĐ ngày 29/01/2024. Ngoài ra, đến ngày 15/02/2024 Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai có Công văn số

195/CĐKDLTĐĐ-ĐĐTĐĐ về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 775/STNMT-VPĐKĐ ngày 19/02/2024 về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 để đơn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2023, đồng thời tổng hợp bổ sung kết quả chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 từ năm 2021 đến năm 2023 (theo yêu cầu tại Công văn số 195/CĐKDLTĐĐ-ĐĐTĐĐ) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, giao nộp Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có văn bản chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng, ban liên quan của huyện và UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2023 theo đúng tinh thần chỉ đạo của tỉnh.

- Cấp xã: UBND xã đã giao nhiệm vụ cho cán bộ địa chính trực tiếp thực hiện công tác thống kê đất đai trên địa bàn; đối với một số địa phương, phần lớn là các xã miền núi, UBND xã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện công tác này.

2. Nguồn tài liệu phục vụ thống kê đất đai năm 2023:

- Số liệu, bản đồ kết quả điều tra kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

- Số liệu và bản đồ thống kê đất đai năm 2022;

- Bản đồ địa chính các tỷ lệ 1/500, 1/1.000, 1/2000, 1/5000;

- Hồ sơ địa chính, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng, hồ sơ đăng ký biến động đất đai, hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, và các hồ sơ, tài liệu đất đai khác có liên quan;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 tại 173 xã, phường, thị trấn đã được tổng hợp trên phần mềm TKDesktop (offline) và phần mềm TkOnline (trực tuyến) quy định về thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 của 13 huyện, thị xã, thành phố đã được tổng hợp trực tiếp trên phần mềm TkOnline về thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đánh giá độ tin cậy của các loại tài liệu:

Tất cả các nguồn tài liệu nêu trên đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, thống nhất đưa vào sử dụng nên có độ chính xác tương đối cao.

4. Phương pháp thực hiện thống kê đất đai năm 2023:

- Việc thống kê đất đai được thực hiện trực tiếp từ cấp xã, sản phẩm của cấp xã được cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp thành cấp huyện;

cấp tỉnh tiếp nhận kiểm tra sản phẩm từ cấp huyện và tổng hợp thành cấp tỉnh.

- Kết quả thống kê của cấp tỉnh dựa theo kết quả thống kê của cấp huyện được thực hiện trên phần mềm TKOnline trực tuyến về thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh gồm các biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 04/TKĐĐ, 05/TKĐĐ, 11/TKĐĐ;

- Phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ, 15/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023 cấp tỉnh; phân tích nguyên nhân biến động sử dụng đất giữa năm thống kê với số liệu thống kê năm 2022 và số liệu kiểm kê năm 2019;

- Quá trình thực hiện từ tổng hợp đến xử lý số liệu, kết quả báo cáo được thực hiện nhanh chóng, kịp thời; đảm bảo tính phản ánh trung thực hiện trạng sử dụng đất và tuân thủ đúng theo quy trình, quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Phần II

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI

A. Hiện trạng sử dụng đất:

Sau khi các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2023 và báo cáo số liệu cho cấp tỉnh. Trên cơ sở đó UBND tỉnh Quảng Ngãi giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tổng hợp số liệu, cụ thể như sau:

Tổng diện tích tự nhiên trên toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2023 là: **515.524,8** ha; trong đó:

- Đất nông nghiệp : **454.836,7** ha;
- Đất phi nông nghiệp : **57.205,3** ha;
- Đất chưa sử dụng : **3.482,8** ha.

I. Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng, đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất, cụ thể như sau:

1. Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng:

Tổng diện tích tự nhiên (DTTN): **515.524,8** ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: **454.836,7** ha, chiếm 88,23% so với DTTN.

Trong đó:

- + Đất sản xuất nông nghiệp: 170.346,3 ha, chiếm 33,04% so với DTTN;
- + Đất lâm nghiệp: 282.866,9 ha, chiếm 54,87% so với DTTN;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 1.092,4 ha, chiếm 0,21% so với DTTN;
- + Đất làm muối: 120,8 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
- + Đất nông nghiệp khác: 410,4 ha, chiếm 0,08% so với DTTN.
- Đất phi nông nghiệp: **57.205,3** ha, chiếm 11,10% so với DTTN.

Trong đó:

- + Đất ở: 12.246,4 ha, chiếm 2,38% so với DTTN;
- + Đất chuyên dùng: 26.514,0 ha, chiếm 5,14% so với DTTN;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 148,9 ha, chiếm 0,03% so với DTTN
- + Đất cơ sở tín ngưỡng: 89,7 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 4.831,6 ha, chiếm 0,94% so với DTTN;
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 12.446,5 ha, chiếm 2,41% DTTN;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 923,8 ha, chiếm 0,18% DTTN;
- + Đất phi nông nghiệp khác: 4,5 ha.
- Đất chưa sử dụng: **3.482,8** ha, chiếm 0,68% so với DTTN.

Trong đó:

- + Đất bằng chưa sử dụng: 3.025,8 ha, chiếm 0,59% so với DTTN;
- + Đất đồi núi chưa sử dụng: 417,3 ha, chiếm 0,08% so với DTTN;
- + Đất núi đá không có rừng cây: 39,7 ha, chiếm 0,01% so với DTTN.

2. Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng đất:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

- Diện tích đất nông nghiệp: 295.503,2 ha, chiếm 64,97% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 11.753,2 ha, chiếm 20,55% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

b) Đối với tổ chức kinh tế:

- + Diện tích đất nông nghiệp: 11.736,2 ha, chiếm 2,58% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;
- + Diện tích đất phi nông nghiệp: 6.770,4 ha, chiếm 11,84% so với tổng

diện tích đất phi nông nghiệp;

c) Đối với cơ quan đơn vị của nhà nước:

+ Diện tích đất nông nghiệp: 4.524,6 ha, chiếm 0,99% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 6.378,0 ha, chiếm 11,15% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

d) Đối với tổ chức sự nghiệp công lập:

+ Diện tích đất nông nghiệp: 112.611,1 ha, chiếm 24,76% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 893,1 ha, chiếm 1,56% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

đ) Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Diện tích đất phi nông nghiệp: 606,9 ha, chiếm 1,06% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

e) Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo:

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 238,4 ha, chiếm 0,42% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

3. Cơ cấu diện tích theo đối tượng quản lý:

a) UBND cấp xã:

- Diện tích đất nông nghiệp: 21.623,0 ha, chiếm 4,75% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 17.827,6 ha, chiếm 31,16% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 3.454,2 ha, chiếm 99,18% so với tổng diện tích đất chưa sử dụng;

b) Tổ chức phát triển quỹ đất:

- Diện tích đất nông nghiệp: 0.4 ha, chiếm 0% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 140,9 ha, chiếm 0,25% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 27,1 ha, chiếm 0,78% so với tổng diện tích đất chưa sử dụng;

c) Cộng đồng dân cư và tổ chức khác:

- Diện tích đất nông nghiệp: 8.838,4 ha, chiếm 1,94% so với tổng diện tích đất nông nghiệp;

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 12.596,9 ha, chiếm 21,95% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 1,5 ha, chiếm 0,04% so với tổng diện tích đất chưa sử dụng;

4. Cơ cấu diện tích tự nhiên theo đơn vị hành chính cấp huyện:

STT	Tên huyện, thành phố	Diện tích tự nhiên theo đơn vị hành chính cấp huyện (ha)	Tỷ lệ % so với diện tích tự nhiên của tỉnh (%)	Ghi chú
1	TP Quảng Ngãi	15.734,8	3.05	
2	Huyện Bình Sơn	46.685,2	9.06	
3	Huyện Trà Bồng	76.040,6	14.75	
4	Huyện Sơn Tịnh	24.386,1	4.73	
5	Huyện Tư Nghĩa	20.560,8	3.99	
6	Huyện Sơn Hà	72.826,3	14.13	
7	Huyện Sơn Tây	38.563,7	7.48	
8	Huyện Minh Long	23.729,7	4.60	
9	Huyện Nghĩa Hành	23.448,5	4.55	
10	Huyện Mộ Đức	21.408,2	4.15	
11	Thị Xã Đức Phổ	37.305,3	7.24	
12	Huyện Ba Tơ	113.795,7	22.07	
13	Huyện Lý Sơn	1039,9	0.20	

B. Tình hình, nguyên nhân biến động đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên đến ngày 31/12/2023 là: 515.524,8 ha

- Tổng diện tích tự nhiên đến ngày 31/12/2022 là: 515.524,8 ha

- Tổng diện tích tự nhiên đến ngày 31/12/2019 là: 515.524,8 ha

Như vậy, tổng diện tích tự nhiên theo thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh **không** thay đổi so với diện tích thống kê đất đai năm 2022 và diện tích kiểm kê đất đai năm 2019.

I. Tình hình biến động của các loại đất:

1. Đối với đất nông nghiệp:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 454.836,7 ha;

- Tổng diện tích đất nông nghiệp trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 455.561,8 ha;

- Tổng diện tích đất nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 455.184,8 ha;

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 725,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 348,1 ha so với thống kê đất đai năm 2022, cụ thể theo số liệu chu chuyển các loại đất như sau:

a) Đất trồng lúa:

- Diện tích đất trồng lúa thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 43.342,5 ha;

- Diện tích đất trồng lúa trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 43.465,1 ha;

- Diện tích đất trồng lúa thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 43.478,4 ha;

Như vậy, diện tích đất trồng lúa thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 122,6 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 135,9 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất ở tại nông thôn 56,5 ha để thực hiện các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn các huyện, thị xã, gồm: *huyện Tư Nghĩa (Khu tái định cư An Hội Bắc 1, Khu tái định cư đồng Bà Thơi, xã Nghĩa Kỳ); thị xã Đức Phổ (Khu tái định cư Đồng Ông Di và Cây Da, xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ; Khu tái định cư Đồng Máng, Đồng Cầu Thi, Đồng Gò Tre xã Phổ Phong; Khu tái định cư Xóm 4 tại xã Phổ Cường); huyện Mộ Đức (Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa; Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa; Khu tái định cư Đồng Lách, thôn 4, xã Đức Tân; Khu tái định cư thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lĩnh); huyện Nghĩa Hành (Khu tái định cư Đồng An Sơn và Khu tái định cư Đồng An Định xã Hành Dũng; Khu tái định cư Đồng Xuân, xã Hành Thịnh; Khu tái định cư Kỳ Thọ Nam 2, xã Hành Đức; Khu tái định cư Đồng Cây Trâm Trong, xã Hành Phước).* Ngoài ra còn thực hiện các Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 tại xã Đức Lợi, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức; Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa, huyện Nghĩa Hành...

+ Đất ở tại đô thị 8,0 ha (thực hiện các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn thị xã Đức Phổ như (Khu tái định cư Bàu Lề tại phường Nguyễn

Nghiêm; Khu tái định cư Đồng Hóc tại xã Phổ Hoà, thị xã Đức Phổ; Khu tái định cư Đồng Mốc, phường Phổ Ninh; Khu tái định cư phục vụ dự án Kè chống sạt lở bờ biển các điểm dọc sông Trà Câu tại phường Phổ Ninh và phường Phổ Minh); Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư Đồng Dinh (giai đoạn 2) tại thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành...

+ Đất An ninh 0,2 ha (xây dựng Nhà làm việc Công an xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi).

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 7,9 ha (thực hiện xây dựng công trình Trung tâm thể dục thể thao Trung Thành Long, tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi; Sân vận động huyện Mộ Đức tại thị trấn Mộ Đức; Trường mầm non Nghĩa Mỹ; Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ...).

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 9,3 ha (thực hiện các dự án: Nhà máy sản xuất Đường Glucose, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa; Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Hoàng Ân Tịnh Bắc, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh; dự án Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm nước giải khát, bánh kẹo Quỳnh Ninh, tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi; Thực hiện dự án Khu dịch vụ Gia Bảo tại phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ...).

+ Đất có mục đích công cộng 52,8 ha (xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và thị xã Đức Phổ; Ngoài ra thực hiện các tuyến đường giao thông như: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa; Đường Nghĩa Hòa – Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa giai đoạn 2; Mở rộng tuyến đường phía Tây và phía Nam trường Đại học Tài chính Kế toán, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa; Đường nối từ Cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, đoạn qua xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi; Tuyến đường vào Cụm công nghiệp Quán Lát, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và Tuyến đường QL 1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua thành phố Quảng Ngãi, gồm xã Nghĩa Hà, Nghĩa Phú; đoạn qua huyện Mộ Đức, gồm xã: Đức Lợi, xã Đức Thắng; đoạn qua huyện Tư Nghĩa, gồm xã: Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp...).

+ Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,1 ha (chỉnh dòng sông theo quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn A Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn

2021-2025 đoạn qua địa bàn xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa)).

+ Đất có mặt nước chuyên dùng 1,2 ha (Hồ điều hòa theo quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa).

b) Đất trồng cây hàng năm khác:

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 51.808,3 ha;

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 51.778,3 ha;

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 51.897,0 ha;

Như vậy, diện tích đất trồng cây hàng năm khác thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 29,9 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 88,8 ha so với thống kê đất đai năm 2022.

Do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 27,4 ha; Đất ở tại đô thị 2,0 ha; Đất an ninh 0,4 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,2 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 16,4 ha; Đất có mục đích công cộng 40,0 ha; Đất cơ sở tôn giáo 0,4 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,5 ha; Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,5 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 75.195,5 ha;

- Diện tích đất trồng cây lâu năm trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 75.678,1 ha;

- Diện tích đất trồng cây lâu năm thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 75.281,7 ha;

Như vậy, diện tích đất trồng cây lâu năm thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 482,7 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 86,3 ha so với thống kê đất đai năm 2022.

Do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 3,6 ha; Đất ở tại đô thị 0,5 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,7 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 54,6 ha; Đất có mục đích công cộng 25,4 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,2 ha; Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,2 ha.

d) Đất rừng sản xuất:

- Diện tích đất rừng sản xuất thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 157.120,0ha;

- Diện tích đất rừng sản xuất trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 157.234,7 ha;

- Diện tích đất rừng sản xuất thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 157.155,7ha;

Như vậy, diện tích đất rừng sản xuất thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 114,6 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 35,7 ha so với thống kê đất đai năm 2022.

Do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 1,1 ha (*xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Gò Tranh Giữa, xã Long Sơn, huyện Minh Long*); Đất có mục đích công cộng 34,7 ha (*thực hiện công trình đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ - Minh Long - Sơn Hà), đoạn Km 17+750 - Km19+500 qua địa bàn xã Ba Điền theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thủy điện Ba Vĩ hạng mục: Cụm đầu mối, lòng hồ, kênh xả, khu phụ trợ, bãi thải theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại xã Ba Ngạc; thủy điện Sông Liên 2 hạng mục: Cửa lấy nước, cụm đầu mối, khu phụ trợ, lòng hồ, tháp điều áp và nhà máy theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại xã Ba Lẽ, huyện Ba Tơ; thủy điện Long Sơn, hạng mục: Cụm Đầu mối, lòng hồ tại xã Long Môn, huyện Minh Long; dự án đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện Vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ – Minh Long – Sơn Hà) qua địa bàn xã Thanh An, huyện Minh Long; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua xã Đức Lợi, xã Đức Thắng...).*

đ) Đất rừng phòng hộ:

- Diện tích đất rừng phòng hộ thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 125.746,9 ha;

- Diện tích đất rừng phòng hộ trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 125.754,2 ha;

- Diện tích đất rừng phòng hộ thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 125.747,1 ha;

Như vậy, diện tích đất rừng phòng hộ thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 7,3 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 0,2 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do chuyển sang đất có mục đích công cộng

(để thực hiện dự án Tôn tạo, nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng (phần điều chỉnh, mở rộng), tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi (theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 và Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi); dự án kè chống sạt lở bờ biển thôn Phổ Trường, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi (Đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023); công trình Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thùng, đoạn qua xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức).

e) Đất nuôi trồng thủy sản:

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 1.092,4 ha;

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 1.084,3 ha;

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 1.093,6 ha;

Như vậy, diện tích đất nuôi trồng thủy sản thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 8,0 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 1,3 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,1 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha; Đất có mục đích công cộng 1,1 ha.

f) Đất làm muối:

- Diện tích đất làm muối thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 120,8 ha;

- Diện tích đất làm muối trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 120,7 ha;

- Diện tích đất làm muối thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 120,8 ha;

Như vậy, diện tích đất làm muối thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 0,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022.

g) Đất nông nghiệp khác:

- Diện tích đất nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 410,4 ha;

- Diện tích đất nông nghiệp khác trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 446,5 ha;

- Diện tích đất nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 410,4 ha;

Như vậy, diện tích đất nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 36,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022.

2. Đối với đất phi nông nghiệp:

- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 57.205,3 ha;

- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 56.374,3 ha;

- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 56.848,2 ha;

Như vậy, tổng diện tích đất phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 831,0 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 357,2 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Cụ thể theo số liệu chuyển các loại đất như sau:

a) Đất ở tại nông thôn:

- Diện tích đất ở tại nông thôn thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 10.103,3ha;

- Diện tích đất ở tại nông thôn trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 10.308,3 ha;

- Diện tích đất ở tại nông thôn thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 10.008,4ha;

Như vậy, diện tích đất ở tại nông thôn thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 205,0 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 94,9 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 95,9 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 56,5 ha ; Đất trồng cây hàng năm khác 27,4 ha; Đất trồng cây lâu năm 3,6 ha; Đất rừng sản xuất 1,1 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,3 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,4 ha; Đất có mục đích công cộng 5,6 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,5 ha; Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,1 ha; Đất bằng chưa sử dụng 0,5 ha *(do thực hiện các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn các huyện, thị xã, gồm: huyện Tư Nghĩa (Khu tái định cư An Hội Bắc 1, Khu tái định cư đồng Bà Thơi, xã Nghĩa Kỳ); thị xã*

Đức Phổ (Khu tái định cư Đồng Ông Di và Cây Da, xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ; Khu tái định cư Đồng Máng, Đồng Cầu Thi, Đồng Gò Tre xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ; Khu tái định cư Xóm 4 tại xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ); huyện Mộ Đức (Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa; Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa; Khu tái định cư Đồng Lách, thôn 4, xã Đức Tân ; Khu tái định cư thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân); huyện Nghĩa Hành (Khu tái định cư Đồng An Sơn và Khu tái định cư Đồng An Định xã Hành Dũng; Khu tái định cư Đồng Xuân, xã Hành Thịnh; Khu tái định cư Kỳ Thọ Nam 2, xã Hành Đức; Khu tái định cư Đồng Cây Trâm Trong, xã Hành Phước). Ngoài ra còn có các Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 tại xã Đức Lợi và xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức; Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa, huyện Nghĩa Hành; Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi...).

+ Giảm 1,1 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,5 ha; Đất có mục đích công cộng 0,6 ha.

* Nguyên nhân đất ở tại nông thôn giảm 205,0 ha so với kiểm kê đất đai năm 2019: do chuyển diện tích từ đất ở tại nông thôn thành đất ở tại đô thị của các xã: Phổ Hòa, Phổ Vinh, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ Thạnh thành các phường: Phổ Hòa, Phổ Vinh, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ Thạnh để thành lập thị xã Đức Phổ; Sáp nhập xã Bình Thới vào thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn; Sáp nhập một phần diện tích xã Ba Chùa vào thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, được thực hiện theo Nghị Quyết 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/1/2020 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị Hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi; số liệu này đã cập nhật trong thống kê đất đai năm 2020.

b) Đất ở tại đô thị:

- Diện tích đất ở tại đô thị thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 2.143,2 ha;

- Diện tích đất ở tại đô thị trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 1.582,9 ha;

- Diện tích đất ở tại đô thị thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 2.131,6 ha;

Như vậy, diện tích đất ở tại đô thị thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 560,3 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 11,6 ha so với

thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 12,1 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 8,0 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 2,0 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,5 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,2 ha; Đất có mục đích công cộng 1,2 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,2 ha *(do thực hiện các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn thị xã Đức Phổ như: Khu tái định cư Bàu Lề tại phường Nguyễn Nghiêm; Khu tái định cư Đồng Hóc tại xã Phổ Hoà, thị xã Đức Phổ; Khu tái định cư Đồng Mốc, phường Phổ Ninh; Khu tái định cư phục vụ dự án Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc sông Trà Câu tại phường Phổ Ninh và phường Phổ Minh; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư Đồng Dinh (giai đoạn 2), thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành; Chinh trang đô thị Khu Nam sông Trà Khúc, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi; Khu đô thị chợ mới Hàng Rượu, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi; xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân của các phường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi...*

+ Giảm 0,5 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,3 ha; đất có mục đích công cộng 0,2 ha.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 188,5 ha;

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 186,4 ha;

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 188,9 ha;

Như vậy, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 2,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 0,4 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do chuyển sang các loại đất sau: Đất An ninh 0,1 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha *(do điều chuyển Trụ sở UBND xã Hành Tín Tây (cũ) cho Sở Y Tế (Trạm y tế xã) quản lý, sử dụng theo Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi);* Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha *(do thực hiện công trình khu công nghiệp Hoà Phát 2 theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi);* Đất có mục đích công cộng 1,1 ha *(để thực hiện dự án sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ chứa nước Sơn Rái, huyện Sơn Tịnh thuộc Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn*

đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2), tại xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh).

d) Đất quốc phòng:

- Diện tích đất quốc phòng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 727,7 ha;
- Diện tích đất quốc phòng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 725,9 ha;
- Diện tích đất quốc phòng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 727,7 ha;

Như vậy, diện tích đất quốc phòng thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 1,7 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022.

đ) Đất an ninh:

- Diện tích đất an ninh thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 53,8 ha;
- Diện tích đất an ninh trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 49,7 ha;
- Diện tích đất an ninh thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 53,1 ha;

Như vậy, diện tích đất an ninh thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 4,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 0,7 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 0,2 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,4 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha (*để thực hiện xây dựng Nhà làm việc Công an xã Tịnh Đông tại xã Tịnh Đông và Nhà làm việc Công an xã Tịnh Sơn tại xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh*).

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp:

- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 1.216,3 ha;
- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 1.200,3 ha;
- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 1.209,3 ha;

Như vậy, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 16,0 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 7,1 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 12,0 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 7,9 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 1,2 ha; Đất trồng cây lâu năm 1,7 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,15 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,2 ha; Đất có mục đích công cộng 0,7 ha; Đất sông, ngòi, kênh,

rách, suối 0,2 ha (*Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Trường mầm non Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa; Dự án Trung tâm thể dục thể thao Trung Thành Long, tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi; Sân vận động huyện Mộ Đức, tại thị trấn Mộ Đức; Xây dựng sân vận động xã Long Môn, giai đoạn 1; Trường Tiểu học Long Môn; điểm trường Làng Ren; hạng mục: 01 phòng tại xã Long Môn, huyện Minh Long; Xây mới phòng làm việc cho ban Giám hiệu trường Mầm non Ánh Dương, xã Long Hiệp; nhà văn hoá, sân thể thao thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp; Chinh trang trung tâm huyện, hạng mục: Quảng trường, sân nền, kè, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và công viên cây xanh tại xã Long Hiệp, huyện Minh Long...*).

+ Giảm 4,8 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 0,1 ha; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,6 ha; Đất có mục đích công cộng 0,8 ha; Đất bằng chưa sử dụng 2,1 ha.

f) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

- Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 3.685,7 ha;

- Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 3.603,3 ha;

- Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 3.598,9 ha;

Như vậy, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 82,4 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 86,9 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 88,8 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 9,3 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 16,4 ha; Đất trồng cây lâu năm 54,6 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha; Đất ở tại nông thôn 0,5 ha; Đất ở tại đô thị 0,2 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,6 ha; Đất có mục đích công cộng 4,7 ha; Đất cơ sở tín ngưỡng 0,1 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 1,0 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha; Đất bằng chưa sử dụng 1,0 ha (*do thực hiện các dự án: Nhà máy sản xuất Đường Glucose, xã Nghĩa Lâm, Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; dự án Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm nước giải khát, bánh kẹo Quỳnh Ninh, tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi; dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đồng Làng, hạng mục giải phóng mặt bằng các lô A5, A6, A7 tại*

phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ; Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Minh Cường 2 và Khu dịch vụ Gia Bảo tại phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ; xây dựng Nhà máy sản xuất ván lạng và viên gỗ nén Thanh Hùng tại Cụm công nghiệp Quán Lát, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức; Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Ba Ngạc tại xã Ba Ngạc, huyện Ba Tư....).

+ Giảm 1,9 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 0,4 ha; Đất ở tại đô thị 0,2 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha; Đất có mục đích công cộng 1,1 ha.

g) Đất có mục đích công cộng:

- Diện tích đất có mục đích công cộng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 20.641,9 ha;

- Diện tích đất có mục đích công cộng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 20.057,9 ha;

- Diện tích đất có mục đích công cộng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 20.433,0 ha;

Như vậy, diện tích đất có mục đích công cộng thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 584,0 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 208,9 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 221,6 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 52,8 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 40,0 ha; Đất trồng cây lâu năm 25,4 ha; Đất rừng sản xuất 34,7 ha; Đất rừng phòng hộ 0,2 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 1,1 ha; Đất ở nông thôn 0,6 ha; Đất ở đô thị 0,2 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha; Đất xây dựng công trình nghiệp 0,8 ha; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,1 ha; Đất cơ sở tín ngưỡng 0,3 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ, nhà hỏa táng 1,8 ha; Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 50,7 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 1,1 ha; Đất bằng chưa sử dụng 10,9 ha (*do thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và thị xã Đức Phổ; Ngoài ra thực hiện các tuyến đường giao thông như: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa; Đường Nghĩa Hòa – Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa giai đoạn 2; Mở rộng tuyến đường phía Tây và phía Nam trường Đại học Tài chính Kế toán, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa; Đường nối từ Cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, đoạn qua xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi; Tuyến đường vào Cụm công nghiệp Quán Lát, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và Tuyến đường QL 1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong, xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức;*

Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 (đoạn qua thành phố Quảng Ngãi, gồm xã Nghĩa Hà, Nghĩa Phú; đoạn qua huyện Mộ Đức, gồm xã: Đức Lợi, xã Đức Thắng; đoạn qua huyện Tư Nghĩa, gồm xã: Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp); thực hiện công trình đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ - Minh Long - Sơn Hà), đoạn Km 17+750 - Km19+500 qua địa bàn xã Ba Điền; thủy điện Ba Vĩ hạng mục: Cụm đầu mối, lòng hồ, kênh xả, khu phụ trợ, bãi thải tại xã Ba Ngạc; thủy điện Sông Liên 2 hạng mục: Cửa lấy nước, cụm đầu mối, khu phụ trợ, lòng hồ, tháp điều áp và nhà máy tại xã Ba Lễ, huyện Ba Tơ; thủy điện Long Sơn, hạng mục: Cụm Đầu mối, lòng hồ tại xã Long Môn, huyện Minh Long; dự án đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện Vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ – Minh Long – Sơn Hà) qua địa bàn xã Thanh An, huyện Minh Long...).

+ Giảm 12,6 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 5,6 ha; Đất ở tại đô thị 1,2 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,7 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 4,7 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,1 ha; Đất mặt nước chuyên dùng 0,3 ha.

h) Đất cơ sở tôn giáo:

- Diện tích đất cơ sở tôn giáo thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 148,9 ha;

- Diện tích đất cơ sở tôn giáo trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 144,7 ha;

- Diện tích đất cơ sở tôn giáo thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 148,4 ha;

Như vậy, diện tích đất cơ sở tôn giáo thống kê đến ngày 31/12/2023 tăng 4,2 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 0,5 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm khác 0,4 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha (xây dựng *Chùa Linh Quang ở xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Mở rộng Thánh xá Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa; Mở rộng Chùa Liên Bửu tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi; Nhà thờ Thiên Lộc tại thôn Hà Trung, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh*).

k) Đất cơ sở tín ngưỡng:

- Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 89,7ha;

- Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày

31/12/2019 là: 91,1 ha;

- Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 90,1ha;

Như vậy, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 1,4 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 0,4 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Do chuyển sang các loại đất sau: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha; Đất có mục đích công cộng 0,3 ha.

l) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

- Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 4.831,6 ha;

- Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 4.860,1 ha;

- Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 4.834,3 ha;

Như vậy, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 28,4 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 2,7 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 0,8 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,2 ha; Đất có mục đích công cộng 0,1 ha (*do thực hiện dự án Nghĩa Trang xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa; công trình Khu nghĩa địa Bắc Núi Thị, xã Đức Hòa và xã Đức Tân, huyện Mộ Đức; Khu nghĩa địa Nam Núi Thị, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và GPMB dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua huyện Mộ Đức*).

+ Giảm 3,5 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 0,5 ha; Đất ở tại đô thị 0,2 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,0 ha; Đất có mục đích công cộng 1,8 ha.

m) Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:

- Diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 12.446,5 ha;

- Diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 12.618,4 ha;

- Diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 12.496,7 ha;

Như vậy, diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 171,8 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 50,2 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 0,8 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 0,1 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,2 ha (*do thực hiện chỉnh dòng sông theo quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn A Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa*).

+ Giảm 50,9 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 0,1 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha; Đất có mục đích công cộng 50,7 ha.

n) Đất có mặt nước chuyên dùng:

- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 923,8 ha;

- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 940,9 ha;

- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 923,5 ha;

Như vậy, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 17,1 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và tăng 0,3 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 1,6 ha do chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1,2 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,1 ha; Đất có mục đích công cộng 0,3 ha (*do thực hiện dự án Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa*).

+ Giảm 1,3 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha; Đất có mục đích công cộng 1,1 ha; Đất tôn giáo 0,1 ha.

p) Đất phi nông nghiệp khác:

- Diện tích đất phi nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 4,5 ha;

- Diện tích đất phi nông nghiệp khác trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 4,5 ha;

- Diện tích đất phi nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 4,5 ha;

Như vậy, diện tích đất phi nông nghiệp khác thống kê đến ngày 31/12/2023 không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022 và kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

3. Đất chưa sử dụng:

- Tổng diện tích đất chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 3.482,8 ha;

- Tổng diện tích đất chưa sử dụng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 3.588,7 ha;

- Tổng diện tích đất chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 3.491,8 ha;

Như vậy, Tổng diện tích đất chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 105,9 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 9,0 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Cụ thể theo số liệu chuyển các loại đất như sau:

a) Đất bằng chưa sử dụng:

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 3.025,8 ha;

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 3.117,5 ha;

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 3.034,8 ha;

Như vậy, diện tích đất bằng chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 91,7 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và giảm 9,0 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Trong đó:

+ Tăng 2,1 ha do chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp (do thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 10/1/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Bình Sơn theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2017/NĐ-CP ngày 15/7/2021).

+ Giảm 11,4 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 0,5 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha; Đất có mục đích công cộng 10,9 ha.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng:

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 417,3 ha;

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 431,5 ha;

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 417,3 ha;

Như vậy, diện tích đất đồi núi chưa sử dụng thống kê đến ngày 31/12/2023 giảm 14,2 ha so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022.

c) Đất núi đá không có rừng cây:

- Diện tích đất núi đá không có rừng cây thống kê đến ngày 31/12/2023 là: 39,7 ha;

- Diện tích đất núi đá không có rừng cây trong kỳ kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 39,7 ha;

- Diện tích đất núi đá không có rừng cây thống kê đến ngày 31/12/2022 là: 39,7 ha;

Như vậy, diện tích đất núi đá không có rừng cây thống kê đến ngày 31/12/2023 không thay đổi so với kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 và thống kê đất đai năm 2022.

II. Nguyên nhân biến động:

Biến động đất đai của toàn tỉnh trong 01 năm qua (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) được thể hiện ở Biểu số 12/TKĐĐ và tình hình biến động đất đai nêu ở Điểm I, Mục B, Phần II của báo cáo này đã thể hiện cụ thể tình hình biến động các mục đích sử dụng đất giữa thống kê đất đai năm 2023 so với kỳ thống kê đất đai năm 2022 và kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên nhân biến động do thực hiện chuyển mục đích sử dụng giữa các loại đất phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh đã làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất giữa thống kê năm 2023 so với kỳ thống kê đất đai năm 2022 và kỳ kiểm kê đất đai năm 2019.

Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh thực hiện dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận tỉnh Quảng

Ngãi) trên địa bàn 04 huyện: Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức và thị xã Đức Phổ. Sau khi UBND tỉnh ban hành các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án, UBND các huyện, thị xã đã cập nhật các công trình, dự án đã thực hiện vào sổ liệu thống kê đất đai năm 2023. Đối với các dự án UBND các huyện, thị xã mới có quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn (chưa có quyết định chuyển mục đích và quyết định giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án) thì UBND các huyện, thị xã mới thực hiện chuyển đổi đối tượng sử dụng các loại đất theo quyết định thu hồi sang đối tượng TKQ (loại đất vẫn giữ nguyên) được thể hiện tại các biểu 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ và 13/TKĐĐ. Ngoài ra, trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nhiều công trình công cộng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên số liệu tại các biểu có thay đổi như trên.

C. Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023:

Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện đã được phê duyệt. Các địa phương đã xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để làm cơ sở thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án trên địa bàn. Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được duyệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện một số nội dung:

- Kiểm tra, rà soát, lập danh mục các công trình, dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

- Đối với các công trình, dự án chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được phê duyệt thì cương quyết không đưa vào danh mục các công trình, dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

- Đối với các công trình, dự án chưa được bố trí vốn thực hiện đầu tư trong năm kế hoạch (đối với dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước) hoặc chưa có văn bản chấp thuận đầu tư đối với dự án còn lại (dự án ngoài ngân sách nhà nước) thì cương quyết không đưa vào danh mục các công trình, dự án bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

- Thực hiện kiểm tra, rà soát đối với công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng năm 2020 (3 năm liên tiếp) mà đến nay vẫn chưa thực hiện

được (trừ các công trình, dự án được thống nhất cho phép tiếp tục thực hiện đất đai trong 2023) thì UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ theo đúng quy định tại Điều 49 Luật Đất đai; trường hợp các công trình, dự án đang triển khai thực hiện mà chưa hoàn thành thủ tục đất đai thì UBND các huyện, thị xã, thành phố nêu rõ nguyên nhân, lý do chưa hoàn thành thủ tục đất đai, để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc tiếp tục thực hiện trong năm 2024.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện của UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh biết để chỉ đạo; tổ chức kiểm tra, thẩm định, công bố, công khai danh mục, dự thảo xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

D. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện:

Trong năm qua công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các công trình dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh đều được triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, vẫn còn một số dự án đã được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện, như: Dự án Khu dân cư Sơn Trà tại xã Bình Đông, huyện Bình Sơn đã được giao cho người dân trên địa bàn xã tuy nhiên đến nay vẫn chưa xây dựng công trình nhà ở trên hiện trạng. Dự án Khu nhà ở của cán bộ nhân viên của công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và Dự án Khu nhà ở của cán bộ nhân viên Công ty Thép Hoà Phát Dung Quất xã Bình Đông, huyện Bình Sơn đã được giao đất cho doanh nghiệp. Tuy nhiên đến nay các khu tái định cư này vẫn chưa xây dựng công trình trên phần diện tích đã được giao, gây khó khăn trong quá trình quản lý sử dụng đất ở địa phương.

E. Đề xuất biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất đai trong thời gian đến:

- Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, sự chỉ đạo của các sở, ngành chức năng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; xác định rõ nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ lãnh đạo và từng người thi hành công việc; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát khối lượng công việc cụ thể, phát hiện xử lý kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường ở các cấp tỉnh-huyện-xã theo hướng không thiếu số lượng, đảm bảo chất lượng; cán bộ địa chính xã phải được bổ nhiệm đầy đủ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh chuyên môn của xã, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng để giải quyết công tác quản lý nhà nước về đất đai theo đúng trình tự thủ tục quy định.

- Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, sắp xếp, điều hành bộ máy phù hợp với nhiệm vụ được giao; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong cơ chế “một cửa” trong từng nội bộ sở, ngành, huyện, xã và “một cửa liên thông” giữa các sở, ngành, địa phương liên quan; xây dựng quy trình xử lý hồ sơ nội bộ của từng cơ quan, đơn vị để kiểm tra giám sát thực hiện qua từng công đoạn của các bộ phận và từng cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp như: chỉ đạo, quản lý, điều hành, giải quyết dứt điểm những tồn tại vướng mắc trong quản lý đất đai, kiểm tra đôn đốc của ngành cấp trên và địa phương; chủ động bố trí đủ kinh phí và lực lượng để thực hiện công việc; xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể và giải pháp thực hiện thích hợp có tính khả thi cao, áp dụng được yêu cầu đổi mới và nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong công việc.

- Sớm hoàn thành việc chuyển đổi số của Ngành Tài nguyên và Môi trường về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống thông tin đất đai VBDLIS (đối với 05 huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Bình Sơn, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và 06 xã thuộc huyện Trà Bồng) trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng các nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu, tích hợp quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công – Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; chuyển thông tin địa chính điện tử liên thông giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tích hợp cổng thông tin quốc gia về đất đai và với các cơ quan khác, để từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Nhà nước quản lý về đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục cụ thể hóa các qui định của pháp luật về đất đai, nghiên cứu cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá các thủ tục: Chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thẩm định nhu cầu sử dụng đất của dự án,...

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng

quy định của Luật Đất đai.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn cập nhật thường xuyên những thay đổi trong quá trình sử dụng đất vào hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính và bản đồ kết quả điều tra thống kê để công tác quản lý được dễ dàng, khoa học và chặt chẽ hơn.

- Tăng cường quản lý đất công, nâng cao nhận thức, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai. Chú trọng thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách về đất đai cho phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, chú trọng việc đầu tư khai thác sử dụng đất theo hiện trạng; thâm canh, tăng vụ, nhằm đảm bảo ổn định đời sống cho nhân dân.

Phần III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận:

Đến nay, công tác thống kê đất đai năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành, số liệu thống kê phản ánh đúng thực trạng việc quản lý, sử dụng các loại đất ngoài thực địa, đồng thời đã thể hiện đầy đủ trên bản đồ kết quả điều tra thống kê.

Số liệu thống kê đất đai năm 2023 được thực hiện trên phần mềm tổng hợp trực tiếp TKOnline quy định về thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên có độ chính xác cao để sử dụng cho việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời để cung cấp thông tin cho các cấp, các ngành, các lĩnh vực có liên quan cần sử dụng đến số liệu thống kê góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

II. Kiến nghị:

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê đất đai năm 2023, làm cơ sở pháp lý phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Có chương trình, kế hoạch đầu tư kinh phí nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ, trang bị kỹ thuật hiện đại cho hoạt động của ngành, bồi dưỡng thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến quản lý Nhà nước về đất đai.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục thống kê tỉnh;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu VT, KTN224.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

